Số: 85/KH-UBND
Thời gian ký: 03/05/2024 17:33:39 +07:00

Phụ lục II

PHƯƠNG ÁN BỐ TRÍ CÁC ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG NĂM 2024

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày /5/2024 của UBND tỉnh)

(Tính đến ngày 15/4/2024)

TT	Huyện/ thị xã/ thành phố	Đơn vị dự thi (Trường/Trung tâm)	Số lượng thí sinh ĐKDT					Phương án bố trí Điểm thi, phòng thi						
			Tổng số ĐKDT	Tổng số TS dự thi	Tổng số TS Đang học 12	TS tự do dự thi TN	TS tự do xét học bạ	Mã điểm thi	Mã nhóm trường thuộc địa điểm	Tổng số thí sinh dự thi tại điểm thi 2024	Địa điểm chính thức	Số phòng thi chính thức và dự phòng 2024	Số phòng chờ 2024	Địa điểm dự phòng
01	Buôn Đôn	THPT Buôn Đôn	256	256	250	6		01	01	551	THPT Buôn Đôn	**25**	**2**	THCS Hồ Tùng Mậu
		THPT Trần Đại Nghĩa	284	284	284	0			01	23Ph				THPT Trần Đại Nghĩa
		TT GDNN - GDTX Buôn Đôn	11	11	11	0			01					
		Tổng số	**551**	**551**	**545**	**6**	**0**				**1**			**2**
02	Ea Súp	THPT Ea Súp	399	399	386	13		02	02	754	THPT Ea Súp	**34**	**2**	THCS Quang Trung
		THPT Ea Rốk	278	278	277	1			02	32Ph				TH Nguyễn Bá Ngọc
		Trung tâm GDNN - GDTX Ea Súp	77	77	77	0			02					
		Tổng số	**754**	**754**	**740**	**14**	**0**				**1**			**2**
03	Lắk	THPT Lắk	405	405	396	9		03	03	598	THPT Lắk	**27**	**2**	THCS Nguyễn Trãi
		THPT Nguyễn Chí Thanh	157	157	153	4			03	25Ph				THCS Võ Thị Sáu
		Trung tâm GDNN - GDTX Lăk	36	36	28	8			03					
		Tổng số	**598**	**598**	**577**	**21**	**0**				**1**			**2**
04	M'Drắk	THPT Nguyễn Tất Thành	406	406	402	4		04	04	604	THPT Nguyễn Tất Thành	**28**	**3**	THCS Ngô Quyền
		THPT Nguyễn Trường Tộ	133	133	129	4			04	26Ph				THCS Hùng Vương
		Trung tâm GDNN - GDTX M'Drăk	65	65	48	17			04					THCS Trần Hưng Đạo
		Tổng số	**604**	**604**	**579**	**25**	**0**				**1**			**3**
05	Ea H'leo	THPT Ea H'leo	340	340	340	0		05	05	1508	THPT Võ Văn Kiệt (Điểm thi 1)	**36**	**2**	THPT Ea Hleo
		THPT Võ Văn Kiệt	377	377	373	4		06	05	63Ph	THPT Phan Chu Trinh (Điểm thi 2)	**31**	**2**	TTGDNN-GDTX Ea H'leo
		THPT Phan Chu Trinh	400	400	400	0			05					THCS Lê Quý Đôn
		THPT Trường Chinh	288	288	282	6			05					
		TT GDNN - GDTX Ea H'Leo	103	103	100	3			05					
		Tổng số	**1508**	**1508**	**1495**	**13**	**00**				**2**			**3**
06	Krông Năng	THPT Phan Bội Châu	344	344	344	0		07	06	659	THPT Phan Bội Châu (Điểm thi 1)	**30**	**2**	THPT Tôn Đức Thắng
		THPT Lý Tự Trọng	168	168	167	1			06	28Ph				THPT Lý Tự Trọng
		Trung tâm GDNN - GDTX Krông Năng	145	145	139	6			06					
		THPT Nguyễn Huệ	493	493	491	2		08	07	742	THPT Nguyễn Huệ (Điểm thi 2)	**33**	**2**	
		THPT Tôn Đức Thắng	251	251	251	0			07	31Ph				
		Tổng số	**1401**	**1401**	**1392**	**9**	**0**				**2**			**2**
07	Cư M'gar	THPT Cư M'Gar	587	587	571	16		09	08	1736	THPT Cư M'gar (Điểm thi 1)	**39**	**5**	THCS Lương Thế Vinh
		THPT Lê Hữu Trác	443	443	436	7		10	08	73Ph	THPT Lê Hữu Trác (Điểm thi 2)	**38**		THCS Nguyễn Tất Thành
		THPT Nguyễn Trãi	279	279	254	25			08					THCS Nguyễn Tri Phương
		THPT Trần Quang Khải	262	262	257	5			08					
		TT GDNN - GDTX Cư M'Gar	165	165	146	19			08					
		Tổng số	**1736**	**1736**	**1664**	**72**	**0**				**2**			**3**
08	Krông Bông	THPT Krông Bông	472	472	468	4		11	09	770	THPT Krông Bông	**35**	**2**	THCS Nguyễn Viết Xuân
		THPT Trần Hưng Đạo	238	238	238	0			09	33Ph				TTGDNN-GDTX Krông Bông
		Trung tâm GDNN - GDTX Krông Bông	60	60	46	14			09					
		Tổng số	**770**	**770**	**752**	**18**	**00**				**1**			**2**
09	Krông Búk	THPT Nguyễn Văn Cừ	260	260	255	5		12	10	495	THPT Phan Đăng Lưu	**23**	**2**	THCS Lê Hồng Phong,
		THPT Phan Đăng Lưu	235	235	234	1			10	21Ph				THCS Lý Tự Trọng
		Tổng số	**495**	**495**	**489**	**06**	**00**				**1**			**2**
10	Buôn Hồ	THPT Buôn Hồ	454	454	449	5		13	11	577	THPT Buôn Hồ (Điểm thi 1)	**27**	**4**	THCS Nguyễn Du
		TT GDNN - GDTX Buôn Hồ	97	97	81	16			11	25Ph				THCS Ngô Mây
		THPT Hai Bà Trưng	218	218	206	12		14	12	528	THPT Hai Bà Trưng (Điểm thi 2)	**24**		THPT Huỳnh Thúc Kháng
		THPT Huỳnh Thúc Kháng	336	336	322	14			12	22Ph				
		Tổng số	**1105**	**1105**	**1058**	**47**	**00**				**2**			**3**
11	Krông Ana	THPT Hùng Vương	301	301	298	3		15	13	915	THPT Krông Ana (Điểm thi 1)	**22**	**2**	THCS Buôn Trấp
		THPT Krông Ana	393	393	374	19		16	13	39Ph	THPT Hùng Vương (Điểm thi 2)	**21**	**2**	THPT Phạm Văn Đồng
		THPT Phạm Văn Đồng	184	184	180	4			13					
		TT GDNN - GDTX Krông Ana	37	37	35	2			13					

TT	Huyện/ thị xã/ thành phố	Đơn vị dự thi (Trường/Trung tâm)	Số lượng thí sinh ĐKDT					Phương án bố trí Điểm thi, phòng thi						
			Tổng số ĐKDT	Tổng số TS dự thi	Tổng số TS Đang học 12	TS tự do dự thi TN	TS tự do xét học bạ	Mã điểm thi	Mã nhóm trường thuộc địa điểm	Tổng số thí sinh dự thi tại điểm thi 2024	Địa điểm chính thức	Số phòng thi chính thức và dự phòng 2024	Số phòng chờ 2024	Địa điểm dự phòng
		Tổng số	**915**	**915**	**887**	**28**	**0**				**2**			**2**
12	**Cư Kuin**	THPT Việt Đức	385	385	374	11		17	14	911	THPT Y Jút (Điểm thi 1)	**21**	**2**	THCS Dray Bhăng
		THPT Y Jút	484	484	473	11		18	14	38Ph	THPT Việt Đức (Điểm thi 2)	**21**	**2**	THCS Việt Đức
		Trung tâm GDNN - GDTX Cư Kuin	42	42	36	6			14					
		Tổng số	**911**	**911**	**883**	**28**	**0**				**2**			**2**
13	**Krông Pắc**	THPT Nguyễn Bỉnh Khiêm	411	411	386	25		19	15	787	THPT Nguyễn Bỉnh Khiêm (Điểm thi 1)	**35**		THPT Nguyễn Thị Minh Khai
		THPT Phan Đình Phùng	410	410	401	9			15	33Ph				THPT Quang Trung
		THPT Nguyễn Công Trứ	335	335	329	6		20	16	695	THPT Nguyễn Công Trứ (Điểm thi 2)	**31**	**3**	THPT Phan Đình Phùng
		THPT Quang Trung	300	300	280	20			16	29Ph				
		Trung tâm GDNN - GDTX Krông Pắc	112	112	86	26			16					
		THPT Lê Hồng Phong	396	396	390	6		21	17	692	THPT Lê Hồng Phong (Điểm thi 3)	**31**	**2**	
		THPT Nguyễn Thị Minh Khai	210	210	210	0			17	29Ph				
		Tổng số	**2174**	**2174**	**2082**	**92**	**0**				**3**			**3**
14	**Ea Kar**	THPT Ngô Gia Tự	424	424	419	5		22	18	704	THPT Ngô Gia Tự (Điểm thi 1)	**32**	**2**	THCS Nguyễn Khuyến
		THPT Võ Nguyên Giáp	253	253	248	5			18	30Ph				THCS Chu Văn An
		THPT Trần Quốc Toản	384	384	379	5		23	19	665	THPT Trần Quốc Toản (Điểm thi 2)	**30**		THCS Nguyễn Văn Trỗi
		THPT Nguyễn Thái Bình	287	287	286	1			19	28Ph				THPT Nguyễn Thái Bình
		THPT Trần Nhân Tông	264	264	262	2		24	20	344	THPT Trần Nhân Tông (Điểm thi 3)	**17**	**4**	
		Trung tâm GDNN - GDTX Ea Kar	101	101	82	19			20	15Ph				
		Tổng số	**1713**	**1713**	**1676**	**37**	**0**				**3**			**4**
15	**Buôn Ma Thuột**	THPT Buôn Ma Thuột	580	580	573	7		25	21	2076	THPT Buôn Ma Thuột (Điểm thi 1)	**38**	**4**	THCS Tân Lợi
		THPT Chu Văn An	552	552	542	10		26	21	87Ph	THPT Chu Văn An (Điểm thi 2)	**27**		TH, THCS, THPT Hoàng Việt
		THPT Lê Quý Đôn	629	629	618	11		28	21		THPT Lê Quý Đôn (Điểm thi 4)	**28**		THCS Phan Chu Trinh
		THPT DTNT Tây Nguyên	140	140	140	0			21					THPT Phú Xuân
		Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu thể thao	30	30	27	3			21					THCS Phạm Hồng Thái
		THPT Hồng Đức	548	548	519	29		27	22	984	THPT Hồng Đức (Điểm thi 3)	**29**	**4**	THCS Lương Thế Vinh
		Trung tâm GDTX Tỉnh	341	341	321	20		29	22	41Ph	TTGDTX tỉnh (Điểm thi 5)	**16**	**3**	TT GDNN - GDTX Buôn Ma Thuột
		TH, THCS và THPT Victory	144	144	144	0			22					THPT Thực hành Cao Nguyên
		THPT Cao Bá Quát	377	377	366	11		30	23	612	THPT Cao Bá Quát (Điểm thi 6)	**25**		THCS Hòa Phú
		THCS và THPT Đông Du	246	246	246	0			23	26Ph				TH, THCS và THPT Victory
		THPT Chuyên Nguyễn Du	367	367	367	0		31	24	783	THPT Chuyên Nguyễn Du (Điểm thi 7)	**35**	**6**	
		TH, THCS và THPT Hoàng Việt	183	183	183	0			24	33Ph				
		THPT Phú Xuân	138	138	138	0			24					
		Trung tâm GDNN - GDTX Buôn Ma Thuột	144	144	95	49			24					
		THPT Lê Duẩn	414	414	389	25		32	25	611	THPT Lê Duẩn (Điểm thi 8)	**27**		
		THPT Thực hành Cao Nguyên	222	222	222	0			25	26Ph				
		THPT Trần Phú	302	302	291	11		33	26	466	THPT Trần Phú (Điểm thi 9)	**22**		
		THPT DTNT Nơ Trang Lơng	175	175	175	0			26	20Ph				
Tổng số			**5532**	**5532**	**5356**	**176**	**0**				**9**			**9**
Tổng số thí sinh dự thi			**20767**	**20767**	**20175**	**592**	**00**	**33**		**20767**	**33**	**938**	**66**	**44**

Ghi chú: Phòng thi và Điểm thi có thể thay đổi theo số lượng đăng ký thực tế